

Số: 02 /2021/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 19 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định chính sách hỗ trợ phát triển Hợp tác xã,

Liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2025

SỞ TƯ PHÁP BẾN TRE	
ĐẾN	Số:1218.....
	Ngày:20.3.21.....
Chuyển:(KỲ HỌP ĐỂ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐÓT XUẤT).....	
Số và ký hiệu HS:.....	

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 20**

ĐỂ GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐÓT XUẤT)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Thực hiện Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 1189/TTr-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xin thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định điều kiện, đối tượng, nội dung và mức hỗ trợ phát triển Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Đối tượng áp dụng

a) Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã.

b) Cơ quan, cán bộ quản lý nhà nước về Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan trực tiếp đến phát triển Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã.

c) Thành viên, sáng lập viên, tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập và tham gia Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã.

Điều 2. Điều kiện chung và nguyên tắc hỗ trợ

1. Điều kiện hỗ trợ chung

a) Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, Điều lệ, quy chế của Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã.

b) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập hoặc tham gia Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã.

c) Có nhu cầu được hỗ trợ, đáp ứng các điều kiện cụ thể của từng nội dung hỗ trợ được quy định tại Nghị quyết này.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, nguồn lực, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện.

b) Trường hợp củng cố Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã chỉ được hỗ trợ một lần.

c) Ngoài chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết này, đối tượng còn được hỗ trợ theo quy định hiện hành. Các nội dung chính sách tại Nghị quyết này, nếu có văn bản khác của cấp có thẩm quyền cùng điều chỉnh thì đối tượng hỗ trợ chỉ được hưởng mức cao nhất của một trong các chính sách hiện hành.

Điều 3. Một số chính sách hỗ trợ đối với Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã

1. Hỗ trợ thành lập mới, củng cố Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu thành lập hoặc tham gia Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã.

- Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã đang hoạt động, hoạt động yếu hoặc có nhu cầu phát triển, mở rộng.

- Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã được thành lập từ việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách.

b) Điều kiện hỗ trợ: Đáp ứng theo khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết này và Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã góp đủ vốn theo quy định điều lệ.

c) Nội dung hỗ trợ

- Cung cấp thông tin, tư vấn, tập huấn, phổ biến quy định pháp luật về kinh tế tập thể, hợp tác xã.

- Hỗ trợ, tư vấn xây dựng hoặc sửa đổi điều lệ; hướng dẫn và thực hiện các thủ tục sắp xếp, củng cố lại tổ chức, hoạt động của Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã cho phù hợp với các quy định hiện hành.

Các nội dung hỗ trợ trên sẽ được hỗ trợ chi phí sau khi Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã đã được thành lập và được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã.

d) Mức hỗ trợ:

- Thành lập mới: Tối đa không quá 20.000.000 đồng/hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã.

- Củng cố: Tối đa không quá 10.000.000 đồng/hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã.

2. Hỗ trợ trang thiết bị văn phòng làm việc

a) Đối tượng hỗ trợ: Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã

b) Nội dung hỗ trợ: Đầu tư một số trang thiết bị văn phòng thiết yếu phục vụ cho hoạt động của Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã.

c) Điều kiện hỗ trợ: Đáp ứng theo khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết này và một số điều kiện cụ thể như sau:

- Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã có trụ sở làm việc, có liên kết cung ứng dịch vụ cho thành viên Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã hoặc tạo việc làm cho thành viên Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã; quy mô đối với Hợp tác xã từ 20 thành viên trở lên, Liên hiệp hợp tác xã từ 100 thành viên trở lên. Riêng đối với Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp có tổ chức liên kết sản xuất, có hợp đồng với doanh nghiệp cung ứng sản phẩm, dịch vụ đầu vào hoặc tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã.

- Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã chưa được đầu tư trang thiết bị văn phòng.

- Những trang thiết bị được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là tài sản không chia của Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã.

d) Mức hỗ trợ: 20.000.000 đồng/hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã.

3. Hỗ trợ lao động trẻ về làm việc tại các Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã.

a) Đối tượng hỗ trợ: Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã.

b) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tiền lương cho người lao động tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về làm việc tại các Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã.

c) Điều kiện hỗ trợ: Đáp ứng theo khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết này và một số điều kiện cụ thể như sau:

- Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã có trụ sở làm việc, có liên kết cung ứng dịch vụ cho thành viên Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã hoặc tạo việc làm cho thành viên Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã; quy mô đối với Hợp tác xã từ 20 thành

viên trở lên, Liên hiệp hợp tác xã từ 100 thành viên trở lên. Riêng đối với Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp có tổ chức liên kết sản xuất, có hợp đồng với doanh nghiệp cung ứng sản phẩm, dịch vụ đầu vào hoặc tiêu thụ sản phẩm đầu ra cho Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã.

d) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ hàng tháng bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng, thời gian hỗ trợ tối đa 03 năm/người, tối đa 02 người/Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã/năm.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện chính sách quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 3 của Nghị quyết này sử dụng từ nguồn ngân sách tỉnh.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Các chính sách quy định tại Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre hết hiệu lực ngày 31 tháng 12 năm 2020.

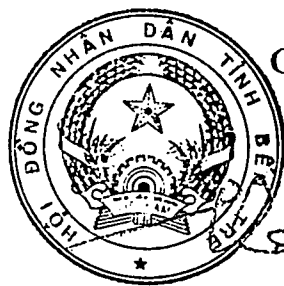
Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa IX, kỳ họp thứ 20 (kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 19 tháng 3 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 29 tháng 3 năm 2021. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, NN&PTNT, TC;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ngành; KH&ĐT, NN&PTNT, TC, TP;
- Liên minh HTX tỉnh;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PH-TH Bến Tre;
- Trang TTĐT HĐND, Trung tâm TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi